



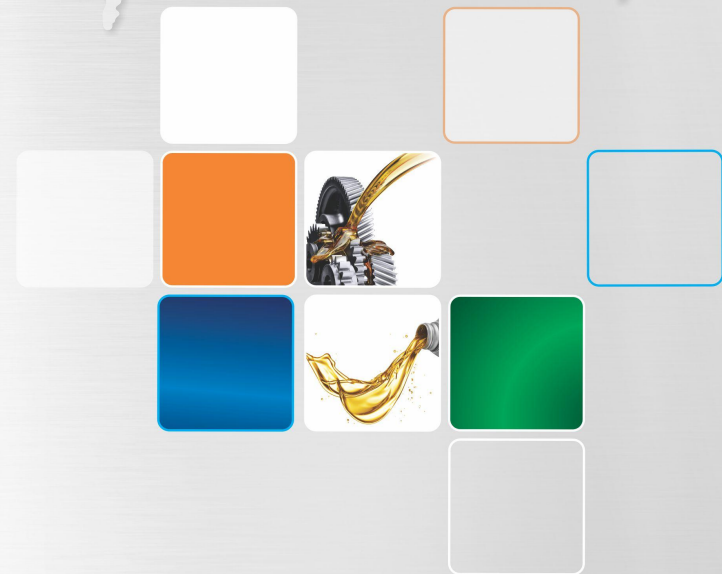
**HỢP TÁC KINH DOANH**  
Tel: 0313. 654 599  
(Hotline: 0934 300 282)  
Fax: 0313. 654 599  
Email: thuphungjp@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN JPWAY VIỆT NAM**  
**NHÀ MÁY HÓA DẦU VIỆT NHẬT**  
Số 2 Đường Ngô Quyền, Phường Máy  
Chai, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng  
Website: www.jpwayvietnam.com

**TƯ VẤN & CHĂM SÓC**  
**KHÁCH HÀNG**  
Tel: 0313 654 599 / 3759 776  
Fax: 0313 654 599 / 3759775  
Email: vietnhat.jpway@gmail.com



**JAPAN TECHNOLOGY**



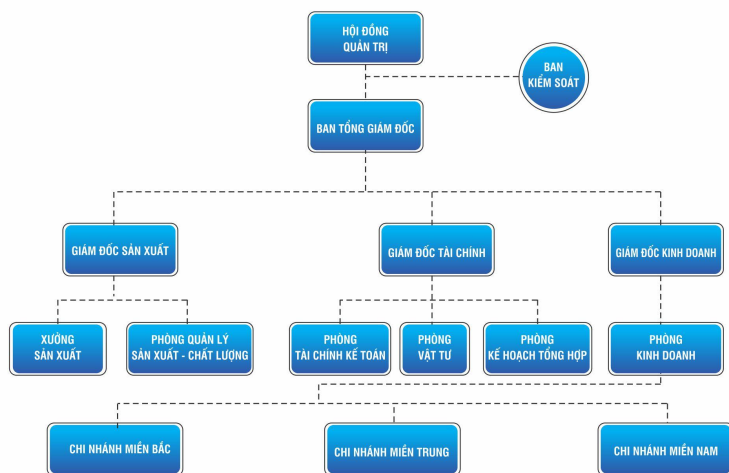
Bìa 4

Bìa 1

## CHIẾN LƯỢC 5 TẠO - 9 LÀM - 1 MỤC TIÊU



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



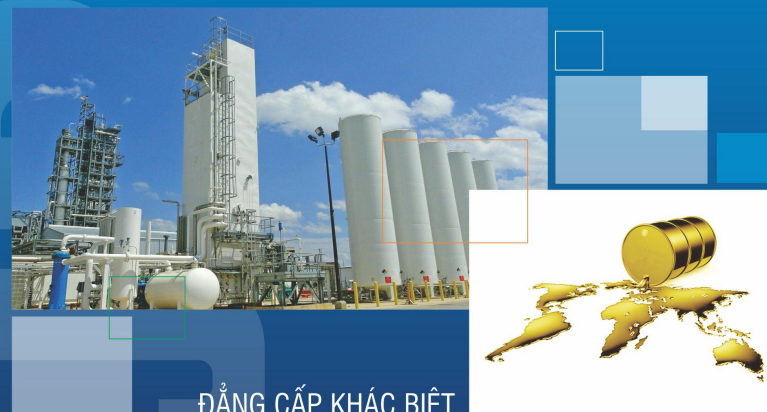
## JAPAN TECHNOLOGY

### GIỚI THIỆU CHUNG

Nhà máy nằm bên trong cảng Cửa Cấm, gần sát trung tâm thành phố Hải Phòng, có vị trí giao thông thuận lợi về đường sông, đường biển, đường bộ kết nối từ cảng với các tuyến Hà Nội, Quảng Ninh, Nam Định, ... để lưu thông hàng hóa trong nước và quốc tế.

Dây chuyền sản xuất hiện đại tự động hóa theo Tiêu chuẩn Châu Âu với công suất 180 Tấn/tháng, 2.160 Tấn/năm đã thực hiện gia công sản phẩm đầu nhớt cho YAMAHA Việt Nam. Nhà máy hiện đang sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu JPMWAY và tiếp tục nhận gia công cho các nhãn hiệu dầu nhớt khác được khách hàng và đối tác đánh giá cao.

Phòng thí nghiệm với trang thiết bị hiện đại được sản xuất tại Đức, Thụy Sĩ và Anh theo Tiêu chuẩn Châu Âu, đội ngũ nhân viên KCS có trình độ chuyên môn cao đáp ứng được tất cả các yêu cầu khắt khe về phân tích các chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm.



ĐẲNG CẤP KHÁC BIỆT

## NHÀ CUNG CẤP, NGUYÊN VẬT LIỆU

**Lubrizol**

Lubrizol (Hoa Kỳ) – Hãng sản xuất phụ gia dầu nhờn số 1 thế giới, nhà cung cấp phụ gia chính của JPWAY.

Oronite (Hoa Kỳ) – Hãng sản xuất phụ gia dầu nhờn hàng đầu thế giới, nhà cung cấp phụ gia của JPWAY



Formosa (Đài Loan) – Hãng sản xuất dầu gốc khoáng, nhà cung cấp dầu gốc của JPWAY

Hyundai Shell (Hàn Quốc) – Hãng sản xuất dầu gốc khoáng, nhà cung cấp dầu gốc của JPWAY



**JPWAY**  
LUBRICANT  
ĐẲNG CẤP KHÁC BIỆT

## CÁC ĐỐI TÁC HỢP TÁC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

**COSMO**

Cosmo Oil Lubricant (Nhật Bản) – Thuộc Cosmo Oil Group - Hãng sản xuất dầu nhờn lớn thứ 3 Nhật Bản

**HK**  
HANWA CO., LTD

Công ty Hanwa Co., Ltd (Nhật Bản) - Nhà phân phối các sản phẩm thương hiệu lớn trên thế giới.

**JAPAN TECHNOLOGY**

**JPWAY**  
LUBRICANT

## DẦU ĐỘNG CƠ XE MÁY

### JP. Motorcycle 20W50 SL



JP. Motorcycle là sản phẩm dầu nhớt dùng cho động cơ xe máy số 4 thì phù hợp với tiêu chuẩn của các nhà chế tạo động cơ HONDA, YAMAHA, SUZUKI.. Được pha chế với sự kết hợp độc đáo giữa dầu gốc chất lượng cao và phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Đạt chuẩn cấp chất lượng API SL và JASO MA/MA2.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 20W-50	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API-JASO	: SL/MA2	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 16.3 - 21.9	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -10
Chỉ số độ nhớt	: 125	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mgKOH/g)	: ≥ 6.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

### JP. Motorcycle 15W40 SL



JP. Motorcycle là sản phẩm dầu nhớt dùng cho động cơ xe máy số 4 thì phù hợp với tiêu chuẩn của các nhà chế tạo động cơ HONDA, YAMAHA, SUZUKI.. Được pha chế với sự kết hợp độc đáo giữa dầu gốc chất lượng cao và phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Đạt chuẩn cấp chất lượng API SL và JASO MA/MA2.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 15W-40	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API-JASO	: SL/MA2	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 12.5 - 16.3	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -15
Chỉ số độ nhớt	: 130	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mgKOH/g)	: ≥ 6.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

### JP. Motorcycle 20W-50 SG



JP. Motorcycle 20W-50 là sản phẩm dầu nhớt dùng cho động cơ xe máy số 4 thì phù hợp với tiêu chuẩn của các nhà chế tạo động cơ HONDA, YAMAHA, SUZUKI.. Được pha chế từ dầu gốc và phụ gia cao cấp của Mỹ, Nhật Bản. Đạt tiêu chuẩn cấp độ nhớt SAE 20W-50, cấp chất lượng API SG và JASO MA/MA2

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 20W-50	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 210°C
Phẩm cấp API-JASO	: SG/MA-MA2	Độ tạo bọt ở 93.5°C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 16.3 – 21.9	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -10
Chỉ số độ nhớt	: 110	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.1
Trị số kiểm tổng TBN (mgKOH/g)	: ≥ 4.7	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

### JP. Scooter 15W40 SM



JP. Scooter là sản phẩm dầu nhớt dùng cho động cơ xe máy tay ga 4 thì phù hợp với tiêu chuẩn của các nhà chế tạo động cơ HONDA, YAMAHA, SUZUKI.. Được pha chế với sự kết hợp độc đáo giữa dầu gốc chất lượng cao và phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Đạt chuẩn cấp chất lượng API SM và JASO MB.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 15W-40	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API-JASO	: SMMB	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 12.5 - 16.3	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -15
Chỉ số độ nhớt	: 130	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mgKOH/g)	: ≥ 6.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

## DẦU ĐỘNG CƠ Ô TÔ

## DẦU ĐỘNG CƠ Ô TÔ

### JP. GOLD 10W40



JP.GOLD là dầu động cơ đa cấp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Sử dụng dành riêng cho động cơ xăng 4 thì. Đạt tiêu chuẩn cấp độ nhớt SAE 10W-40 và cấp chất lượng API SM.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 10W-40	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: SM	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 12.5 - 16.3	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -25
Chỉ số độ nhớt	: 135	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mg/KOH/g)	: ≥ 8.5	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

### JP. POWONE 20W50



JP.POWONE là dầu động cơ đa cấp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Dùng cho động cơ diesel có hoặc không có turbo tăng áp, tải trọng lớn, điều kiện làm việc khắc nghiệt. Đạt tiêu chuẩn cấp độ nhớt SAE 20W-50 và cấp chất lượng API CI-4/SL.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 20W-50	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 230
Phẩm cấp API	: CI-4/SL	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 16.3 - 21.9	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -10
Chỉ số độ nhớt	: 135	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mg/KOH/g)	: ≥ 10.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

### JP. TAIYO 20W50



JP.TAIYO là dầu động cơ đa cấp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Dùng cho động cơ diesel có hoặc không có turbo tăng áp, tải trọng lớn, điều kiện làm việc khắc nghiệt. Đạt tiêu chuẩn cấp độ nhớt SAE 20W-50 và cấp chất lượng API CF-4/SG.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 20W-50	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: CF-4/SG	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 16.3 - 21.9	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -10
Chỉ số độ nhớt	: 125	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mg/KOH/g)	: ≥ 10.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

### JP. NICSUPER 20W50



JP.NICSUPER là dầu động cơ đa cấp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Dùng cho động cơ diesel có tải trọng và điều kiện làm việc trung bình, nên nạp khí tự nhiên. Đạt tiêu chuẩn cấp độ nhớt SAE 20W-50 và cấp chất lượng API CF/IF.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 20W-50	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: CF/IF	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 16.3 - 21.9	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -10
Chỉ số độ nhớt	: 120	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mg/KOH/g)	: ≥ 10.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

### JP. TAIYO 15W40



JP.TAIYO là dầu động cơ đa cấp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Dùng cho động cơ diesel có hoặc không có turbo tăng áp, tải trọng lớn, điều kiện làm việc khắc nghiệt. Đạt tiêu chuẩn cấp độ nhớt SAE 15W-40 và cấp chất lượng API CF-4/SG.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 15W-40	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: CF-4/SG	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 12.5 - 16.3	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -15
Chỉ số độ nhớt	: 125	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mg/KOH/g)	: ≥ 10.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

### JP. MAX 40



JP.MAX 40 là dầu động cơ đơn cấp được pha chế từ dầu gốc và phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Dùng cho động cơ diesel 4 thì có tải trọng và điều kiện làm việc trung bình, nên nạp khí tự nhiên. Đạt tiêu chuẩn cấp độ nhớt SAE 40 và cấp chất lượng API CF/IF.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 40	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: CF/IF	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 12.5 - 16.3	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -8
Chỉ số độ nhớt	: 105	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mg/KOH/g)	: ≥ 10.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

### JP. POWONE 15W40



JP.POWONE là dầu động cơ đa cấp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Dùng cho động cơ diesel có hoặc không có turbo tăng áp, tải trọng lớn, điều kiện làm việc khắc nghiệt. Đạt tiêu chuẩn cấp độ nhớt SAE 15W-40 và cấp chất lượng API CI-4/SL.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 15W-40	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 230
Phẩm cấp API	: CI-4/SL	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 12.5 - 16.3	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -15
Chỉ số độ nhớt	: 135	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mg/KOH/g)	: ≥ 10.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

### JP. MAX 50



JP.MAX 50 là dầu động cơ đơn cấp được pha chế từ dầu gốc và phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Dùng cho động cơ diesel 4 thì có tải trọng và điều kiện làm việc trung bình, nên nạp khí tự nhiên. Đạt tiêu chuẩn cấp độ nhớt SAE 50 và cấp chất lượng API CF/IF.

#### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 50	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: CF/IF	Độ tạo bọt ở 93.5 °C (ml)	: ≤ 500
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 16.3 - 21.9	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -5
Chỉ số độ nhớt	: 105	Tổng hàm lượng kim loại (%KL)	: ≥ 0.2
Trị số kiểm tổng TBN (mg/KOH/g)	: ≥ 10.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05

## DẦU THỦY LỰC

## DẦU CẦU - SỐ



HYDRAULIC 32HV là dầu thủy lực có kèm được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Sử dụng cho các hệ thống thủy lực phù hợp với cấp độ nhớt ISO 32, đạt tiêu chuẩn DIN 51524-2HLP.

### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: ISO 32	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp DIN	: 51524 - 2HLP	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -10
Độ nhớt động học ở 40°C (cSt)	: 28.8 - 35.2	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 110	Tạp chất cơ học	: Không

### Hydraulic 32HV



HYDRAULIC 46HV là dầu thủy lực có kèm được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Sử dụng cho các hệ thống thủy lực phù hợp với cấp độ nhớt ISO 46, đạt tiêu chuẩn DIN 51524-2HLP.

### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: ISO 46	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp DIN	: 51524 - 2HLP	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -10
Độ nhớt động học ở 40°C (cSt)	: 41.4 - 50.6	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 110	Tạp chất cơ học	: Không

### Hydraulic 46HV



HYDRAULIC 68HV là dầu thủy lực có kèm được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Sử dụng cho các hệ thống thủy lực phù hợp với cấp độ nhớt ISO 68, đạt tiêu chuẩn DIN 51524-2HLP.

### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: ISO 68	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp DIN	: 51524 - 2HLP	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -10
Độ nhớt động học ở 40°C (cSt)	: 61.2 - 74.8	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 110	Tạp chất cơ học	: Không

### Hydraulic 68HV



TMF 90 là dầu truyền động đơn cấp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Sử dụng cho hộp cầu - số của các phương tiện vận tải phù hợp với cấp độ nhớt SAE 90 và cấp chất lượng API GL-5.

### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 90	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: GL-5	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -5
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 14.0 - 24.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 100	Tạp chất cơ học	: Không

### TMF 90EP



TMF 140 là dầu truyền động đơn cấp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Sử dụng cho hộp cầu - số của các phương tiện vận tải phù hợp với cấp độ nhớt SAE 140 và cấp chất lượng API GL-5.

### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 140	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: GL-5	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -5
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 24.0 - 41.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 100	Tạp chất cơ học	: Không

### TMF 140EP



TMF 80W-90 là dầu truyền động đa cấp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Sử dụng cho hộp cầu - số của các phương tiện vận tải phù hợp với cấp độ nhớt SAE 80W-90 và cấp chất lượng API GL-5.

### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 80W-90	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: GL-5	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -8
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 13.5 - 17.5	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 100	Tạp chất cơ học	: Không

### TMF 80W-90EP



TMF 85W-140 là dầu truyền động đơn cấp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Sử dụng cho hộp cầu - số của các phương tiện vận tải phù hợp với cấp độ nhớt SAE 85W-140 và cấp chất lượng API GL-5.

### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Cấp độ nhớt	: SAE 85W-140	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: GL-5	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -8
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	: 27.0 - 33.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 100	Tạp chất cơ học	: Không

### TMF 85W-140EP



JAPAN TECHNOLOGY



**DẦU BÁNH RĂNG, CÔNG NGHIỆP**

**JPWAY VG100**



JP.WAY VG100 là dầu bánh răng công nghiệp thông thường được pha chế từ các loại dầu gốc của Nhật Bản. Sử dụng cho các hệ thống bánh răng truyền động hở phù hợp với cấp độ nhớt ISO 100.

**CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:**

Cấp độ nhớt	: ISO 100	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp ISO	: HM	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -5
Độ nhớt động học ở 40°C (cSt)	: 90.0 - 110.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 95	Tạp chất cơ học	: Không

**JPWAY VG68**



JP.WAY VG68 là dầu bánh răng công nghiệp thông thường được pha chế từ các loại dầu gốc của Nhật Bản. Sử dụng cho các hệ thống bánh răng truyền động hở phù hợp với cấp độ nhớt ISO 68.

**CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:**

Cấp độ nhớt	: ISO 68	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp ISO	: HM	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -5
Độ nhớt động học ở 40°C (cSt)	: 61.2 - 74.8	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 95	Tạp chất cơ học	: Không

**GEAR OIL 100EP**



GEAR OIL 100EP là dầu bánh răng công nghiệp chịu cực áp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Sử dụng cho các hệ thống bánh răng truyền động kín, chịu tải trọng, phù hợp với cấp độ nhớt ISO 100, cấp chất lượng API GL-5.

**CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:**

Cấp độ nhớt	: ISO 100	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: GL-5	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -5
Độ nhớt động học ở 40°C (cSt)	: 90.0 - 110.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 95	Tạp chất cơ học	: Không

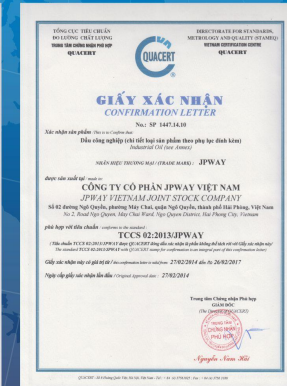
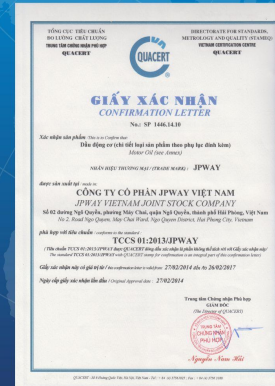
**GEAR OIL 320EP**



GEAR OIL 320EP là dầu bánh răng công nghiệp chịu cực áp được pha chế từ dầu gốc, phụ gia cao cấp của Mỹ và Nhật Bản. Sử dụng cho các hệ thống bánh răng truyền động kín, chịu tải trọng, phù hợp với cấp độ nhớt ISO 320, cấp chất lượng API GL-5.

**CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:**

Cấp độ nhớt	: ISO 320	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	: ≥ 220
Phẩm cấp API	: GL-5	Điểm đông đặc (°C)	: ≥ -5
Độ nhớt động học ở 40°C (cSt)	: 288.0 - 352.0	Hàm lượng nước (%TT)	: ≤ 0.05
Chỉ số độ nhớt	: 95	Tạp chất cơ học	: Không



**CHỨNG NHẬN**